

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-9- 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Quảng Văn Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đình Văn Sinh và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đình Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà : Ông Mùa A Hay - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2022/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 về Ly hôn, yêu cầu không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phàng A C; Nơi cư trú: Bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Sòng Thị R; Nơi cư trú: Bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn là anh Phàng A C trình bày: Anh và chị Sòng Thị R tìm hiểu nhau một thời gian, tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1992 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của dân tộc Mông, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, anh Phàng A C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho anh và chị Sòng Thị R

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh C và chị R có ba con chung là cháu Phàng A V, sinh ngày 01/01/1993, cháu Phàng Thị A, sinh ngày 03/01/1997 và cháu Phàng A S, sinh ngày 05/6/1999. Hiện tại các cháu đã lớn trưởng thành không yêu cầu phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện hoàn cảnh đi lại khó khăn, bận công việc nên anh C không thể đến để giải quyết việc Ly hôn, do đó anh Phàng A C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2022 chị Sông Thị R trình bày: Chị và anh Phàng A C tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến nay, chị R nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho chị R và anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh C có ba con chung là cháu Phàng A V, sinh ngày 11/01/1993, cháu Phàng Thị A, sinh ngày 03/01/1997, cháu Phàng A S, sinh ngày 05/6/1999. Hiện tại các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện, hoàn cảnh đi lại khó khăn, phức tạp, chị R không thể đến để giải quyết việc Ly hôn, do đó chị Sông Thị R có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Do các bên đương sự có đơn yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt có lý do điều kiện, hoàn cảnh đi lại khó khăn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh Phàng A C và chị Sông Thị R; về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, không công nhận là vợ chồng” do nguyên đơn anh Phàng A C khởi kiện đối với bị đơn chị Sông Thị R có nơi cư trú Bản H, xã Làng C, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phàng A C và bị đơn chị Sông Thị R đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng hai bên đương sự đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng có lý do, nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt anh Phàng A C, chị Sông Thị R theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàng A C và chị Sông Thị R tìm hiểu nhau một thời gian, tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1992 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của dân tộc Mông, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh Phàng A C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn, không công nhận là vợ chồng cho anh C và chị R, bản thân chị R cũng xác định không còn tình cảm với anh C và nhất trí ly hôn với anh C. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận là vợ chồng giữa anh Phàng A C và chị Sông Thị R.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh C và chị R có ba con chung là cháu Phàng A V, sinh ngày 01/01/1993, cháu Phàng Thị A, sinh ngày 03/01/1997 và cháu Phàng A S, sinh ngày 05/6/1999. Hiện tại các cháu đã lớn trưởng thành, không yêu cầu phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Anh Phàng A C và chị Sông Thị R xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì anh Phàng A C và chị Sông Thị R sinh sống tại: Bản H, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh Phàng A C và chị Sông Thị R.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Quàng Văn Thủy